

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:56/2017/HNGĐ-ST

Ngày:26-12-2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:190/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:51/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/2012. Sau khi kết hôn sống chung được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu và có hành vi đánh chị, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng mâu thuẫn càng ngày càng lớn, kéo dài nhiều năm, chị và

anh T đã chấm dứt quan hệ vợ chồng gần hai năm nay. Chị nhận thấy chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Mỹ H tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2012, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc, chị H cho rằng anh T không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu và có hành vi đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T khi mới phát sinh không lớn nhưng anh chị không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng gần hai năm nay. Quá trình ly thân anh, chị hoàn toàn không liên hệ hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ

nhưng anh T không đến tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Mỹ H.

[4] Về con chung: Chị Đoàn Thị Mỹ H xác định chị và anh Nguyễn Văn T không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đoàn Thị Mỹ H đã nộp theo biên lai thu số 18843 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đoàn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P, huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương